

Bản án số: 238/2024/HS-ST
Ngày: 20-5-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Mạnh Đoan Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đình Cường

Ông Phạm Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Dung

Thư ký Tòa án - Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Cẩm Anh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 tháng 5 và ngày 20 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 267/2024/TLST-HS ngày 04 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2176/2024/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 4 năm 2024, đối với bị cáo:

Huỳnh Mộng T; sinh năm: 1998 tại Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: Số B B, Phường B, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện tại: Số B L, Ấp D, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: làm công; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Mộng T1 và bà Huỳnh Thị P; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú;

Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1/ Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm: 1949; quốc tịch: Úc;

2/ Chị Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm: 1984; quốc tịch: Úc;

Cùng nơi cư trú: 28.02 Chung cư S, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Huỳnh Mộng T1, sinh năm: 1962; nơi cư trú: Số A L, Ấp D, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Huỳnh Mộng T là nhân viên tạp vụ dọn dẹp các phòng cho thuê Chung cư T số C B, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh của Công ty TNHH D1 (còn gọi là Công ty N1, tại địa chỉ A B, Phường F, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh) nhưng do làm sai quy trình làm việc nên công ty cho T nghỉ việc vào cuối tháng 06/2023. Khi nghỉ việc T còn giữ lại một thẻ từ để lên Tầng A của Chung cư T. Ngày 12/7/2023, T biết căn hộ số 16.14 Tầng A chung cư T của Công ty N1 đang cho vợ chồng chị Nguyễn Thị Ngọc B và anh Nguyễn Văn T2 (Quốc tịch Úc) thuê. Do đã có thời gian dọn vệ sinh tại căn hộ này nên T biết được mật khẩu vào căn hộ là 161422* nên ngày 12/7/2023, T điều khiển xe mô tô Honda Wave biển số là 59K2-166.94 đến Chung cư rồi sử dụng thẻ từ có sẵn, lên Tầng A Chung cư T. Khi đến Tầng A, T đi đến căn hộ 16.14 gõ cửa và bấm chuông nhiều lần nhưng không có người ra mở cửa nên biết không có người ở bên trong, T liền ấn mật khẩu mở cửa đi vào căn hộ để trộm cắp tài sản. Trình vào trong căn hộ, nhìn thấy trong phòng ngủ thứ 2 của căn hộ có 01 chiếc túi xách, T mở túi xách lấy trộm được số tiền 3.413.000 đồng (gồm 06 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng; 04 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng; 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng). Sau khi lấy trộm được tiền, T đi về và cho bà Huỳnh Thị P (mẹ ruột T) 1.000.000 đồng để mua thuốc trị bệnh; T mua một đồng hồ đeo tay với giá 479.000 đồng, số tiền trộm cắp còn lại thì T đã cùng với Nguyễn Thị Ngọc T3 (bạn gái của T) tiêu xài cá nhân khi đi du lịch Đà Lạt.

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 13/7/2023, anh Nguyễn Văn T2 lấy tiền cất trong túi xách để mua thức ăn thì thấy ngăn túi xách đã bị mở, kiểm tra bên trong túi xách thì bị mất số tiền 4.900.000 đồng, cùng lúc chị Nguyễn Thị Ngọc B kiểm tra ngăn tủ trong phòng ngủ thì thấy bị mất số tiền 1.050 AUD (đô la Úc).

Ngày 16/7/2023, chị Nguyễn Thị Ngọc B đã đến Công an P1, Quận D trình báo vụ việc.

Qua điều tra truy xét, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận D đã triệu tập Huỳnh Mộng T lên làm việc, tại Cơ quan Cảnh sát điều tra T7 đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên nhưng T chỉ thừa nhận có lấy trộm của anh T2 và chị B số tiền 3.413.000 đồng, không thừa nhận có lấy số tiền 4.900.000 đồng và 1.050 AUD như trình báo của anh T2 và chị B.

Tại phiên tòa,

- Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng nêu, bị cáo có Đơn đề nghị khắc phục hậu quả số tiền 3.413.000 đồng cho các bị hại tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày lời luận tội, giữ quan điểm như truy tố, nêu lên các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, bị cáo đã đóng tiền khắc phục cho bị hại số tiền 3.413.000 đồng và đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo từ 9 tháng đến 01 năm tù. Đề nghị hướng xử lý vật chứng, tài sản thu giữ theo quy định.

- Bị cáo Huỳnh Mộng T không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Nói lời sau cùng, bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, xin được giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo để có cơ hội ở ngoài xã hội làm việc, nuôi gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo Huỳnh Mộng T tại phiên tòa phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra, những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để xác định vào ngày 12/7/2023, tại căn hộ S Tầng A chung cư T của Công ty N1, bị cáo Huỳnh Mộng T lợi dụng việc biết được mật khẩu và không có người bên trong căn hộ đã ấn mật khẩu mở cửa vào căn hộ. Tại phòng ngủ số 2 của căn hộ, bị cáo T đã có hành vi lén lút mở túi xách lấy trộm được số tiền 3.413.000 đồng (gồm 06 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng; 04 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng; 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng).

[3] Tại cơ quan điều tra, anh Nguyễn Văn T2 và chị Nguyễn Thị Ngọc B khai nhận số tiền bị mất trộm là 4.900.000 đồng và 1.050 AUD (đô la Úc). Tuy nhiên, chỉ đủ cơ sở để xác định bị cáo Huỳnh Mộng T lấy trộm số tiền 3.413.000 đồng.

[4] Hành vi lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu, lén lút tiếp cận rồi chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị như nêu trên mà các bị cáo Huỳnh Mộng T thực hiện, đã đầy đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo tội danh “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định.

[5] Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nên có lỗi cố ý trực tiếp; vì vậy, bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Anh Nguyễn Văn T2 và chị Nguyễn Thị Ngọc B yêu cầu bị cáo Huỳnh Mộng T bồi thường số tiền 4.900.000 đồng và 1.050 AUD (đô la Úc), nhưng có căn cứ chứng minh bị cáo chỉ thừa nhận lấy trộm số tiền 3.413.000 đồng.

Tuy nhiên, bị cáo Huỳnh Mộng T đã tự nguyện khắc phục hậu quả số tiền trên tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0031868 ngày 16/5/2024, nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ là “phạm tội lần đầu thuộc và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, “thành khẩn khai báo”, “ăn năn hối cải”, “tự nguyện khắc phục hậu quả”, nhân thân tốt chưa tiền án tiền sự, quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 5 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[8] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, cũng như nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và khả năng tự cải tạo của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, mà cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội cũng đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[9] Về xử lý vật chứng thu giữ trong vụ án:

- Quá trình điều tra có thu giữ của bị cáo Huỳnh Mộng T:

- 01 xe gắn máy kiểu dáng Wave màu đỏ, biển số 59K2-166.94, số máy: JA395-0212736, số khung: RLHJA3907HY212705, do T điều khiển đến nơi

trộm cắp vào ngày 12/7/2023. Qua xác minh, chiếc xe do anh Lưu Vĩnh H đứng tên chủ sở hữu. Ngày 09/5/2019, anh H ủy quyền toàn quyền cho anh Phạm Ngọc D quản lý, sử dụng xe này. Ngày 01/7/2019, anh D bán xe cho ông Huỳnh Mộng T1 (cha ruột T) với giá 17.000.000 đồng (bán trả góp). Do ông T1 chưa trả hết tiền cho anh H nên chưa làm thủ tục sang tên. Xét thấy, chiếc xe trên thuộc sở hữu của ông Huỳnh Mộng T1, việc ông T1 cho bị cáo mượn xe sử dụng, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, nên trả lại chiếc xe cho ông.

- 01 đồng hồ điện tử đeo tay màu đen: đây là tài sản do bị cáo phạm tội mà có, nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- 01 bao da màu nâu, bên trong có 01 thẻ bằng nhựa màu trắng có ghi chữ ML 23.12A; 01 bao da màu nâu, bên trong có 01 thẻ bằng nhựa màu xanh có ghi chữ 4.15 OT1, The Tresor; 01 bao da màu nâu, bên trong có 01 thẻ nhựa màu xanh có ghi chữ NOUVALAND 25.12-3; 01 bao da màu nâu, bên trong có 01 thẻ bằng nhựa màu vàng có ghi chữ SH 06.09; 01 bao da màu nâu, bên trong có 01 thẻ nhựa màu xanh có ghi chữ TRESOR AP2 18.15, đây là 05 thẻ từ sử dụng đi thang máy tại các chung cư mà khi bị cáo còn làm tạp vụ cho công ty N1 được giao để sử dụng. Xét thấy, 05 thẻ từ này không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone XR màu đen, có nắp ốp lưng trong suốt số IMEI: 356440100813854, đã qua sử dụng, do T bỏ thẻ từ đi thang máy lên tầng 16, để ở trong ốp lưng điện thoại. Xét thấy, điện thoại là tài sản cá nhân của bị cáo T, không chứng minh được liên quan đến hành vi phạm tội, nên trả lại cho bị cáo.

- 01 hộp giấy carton, hình hộp chữ nhật, bên ngoài có dán một Phiếu hàng số SG14-03.C4, giá tiền thu hộ là 479,000 đồng; bên trong có 01 hộp bằng giấy carton, màu đen có chữ WATCH 8 T800 PROMAX, bên trong có 01 thẻ bảo hành có chữ SERIES 8: đây là hộp đựng đồng hồ là tài sản do bị cáo phạm tội mà có, vật dụng này không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Mộng T phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt bị cáo Huỳnh Mộng T 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày 20/5/2024.

Giao bị cáo Huỳnh Mộng T cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời

gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

2. Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Các bị hại anh Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị Ngọc B có quyền nhận lại số tiền 3.413.000 đồng tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0031868 ngày 16/5/2024 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Trả lại cho ông Huỳnh Mộng T1: 01 xe hai bánh gắn máy; nhãn hiệu: HONDA; số loại: WAVE; dung tích xi lanh: 109; BS: 59K2-166.94, số khung: RLHJA3907HY212705, số máy: JA395-0212736.

- Trả lại cho bị cáo Huỳnh Mộng T: 01 điện thoại di động hiệu Iphone XR màu đen, có ốp lưng trong suốt, số IMEI: 356440100813854.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 đồng hồ điện tử đeo tay màu đen.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bao da màu nâu, bên trong có 01 thẻ bằng nhựa màu trắng có ghi chữ ML 23.12A; 01 bao da màu nâu, bên trong có 01 thẻ bằng nhựa màu xanh có ghi chữ 4.15 OT1, The Tresor; 01 bao da màu nâu, bên trong có 01 thẻ nhựa màu xanh có ghi chữ NOUVALAND 25.12-3; 01 bao da màu nâu, bên trong có 01 thẻ bằng nhựa màu vàng có ghi chữ SH 06.09; 01 bao da màu nâu, bên trong có 01 thẻ nhựa màu xanh có ghi chữ TRESOR AP2 18.15; 01 hộp giấy carton, hình hộp chữ nhật, bên ngoài có dán một Phiếu hàng số SG14-03.C4, giá tiền thu hộ là 479,000 đồng; bên trong có 01 hộp bằng giấy carton, màu đen có chữ WATCH 8 T800 PROMAX, bên trong có 01 thẻ bảo hành có chữ SERIES 8.

- (Theo Biên bản giao nhận tang tài vật ngày số: NK2024/306 ngày 06/5/2024 được thực hiện giữa Cơ quan điều tra và Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

5. Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;
Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại;
người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có
quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản
án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Cục THADS TP.HCM; (1)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- Trại giam; (1)
- Bị cáo; (2)
- Những người tham gia tố tụng; (3)
- THAHS TP.HCM; (1)
- Phòng PC53 - CA TP. HCM; (1)
- UBND phường/xã nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, hồ sơ. (20) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Mạnh Đoan Trang